BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP NĂM 2025

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP HÀ THANH

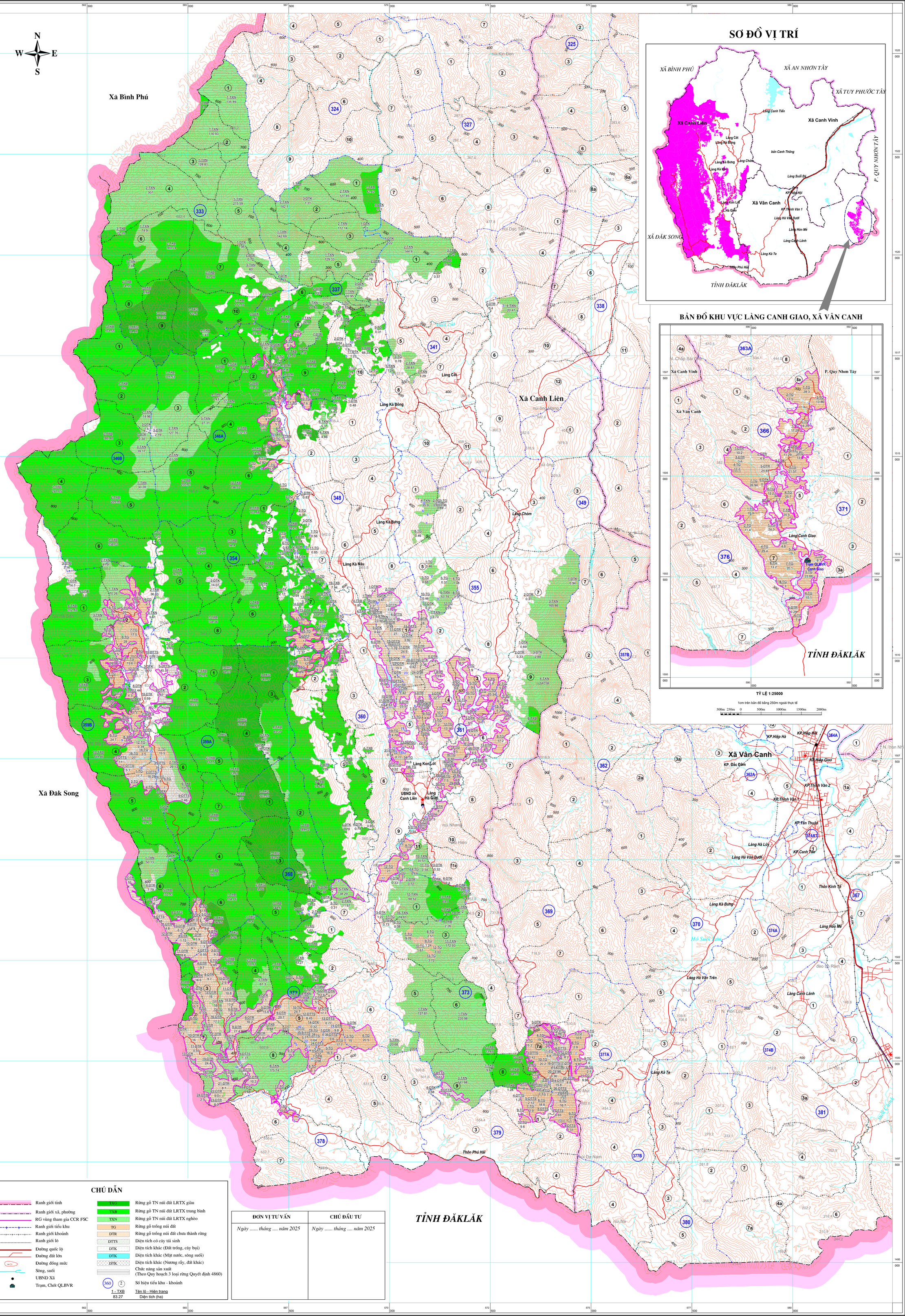

Tk	Khoanh	Lo	Dtich	Ldlr
337	10	4	0,30	DTK
337	10	5	0,10	TG
337	10	8	0,28	DTR
337	7	1	0,29	TG
337	7	10	0,30	TG
337	7	6	0,15	DTK
337	7	7	0,15	DTK
337	8	5	0,08	DTK
337	8	9	0,18	DTK
337	9	12	0,08	DTK
337	9	6	0,16	TG
337	9	8	0,13	DTK
337	9	9	0,28	DTK
341	5	1	0,20	TXB
341	6	1	0,27	TG
341	6	3	0,17	TG
341	7	2	0,26	TG
341	8	2	0,07	TG
346A	1	1	0,24	DTK
346A	2	1	0,12	DTK
346A	2	12	0,26	TG
346A	2	14	0,20	DTTS
346A	2	18	0,02	DTK
346A	2	2	0,11	DTK
346A	2	5	0,13	TXG
346A	4	1	0,10	TG
346A	4	10	0,10	TG
346A	4	2	0,10	DTK
346A	6	5	0,01	DTK
346A	6	9	0,26	TG
348	1	3	0,11	TG
348	2	1	0,01	DTK
348	2	2	0,28	DTK
348	2	4	0,07	TG
348	6	2	0,08	DTK
348	7	1	0,03	DTK
348	7	10	0,22	TG
348	7	13	0,05	DTK
348	7	16	0,25	TG
348	7	17	0,22	DTK
348	7	20	0,13	DTK
348	7	21	0,20	DTK
348	7	5	0,19	DTK
348	7	6	0,16	TG
348	7	9	0,27	DTK
348	8	4	0,09	DTK
354	1	10	0,22	TG
354	1	2	0,04	DTK
354	1	6	0,15	DTK
354	1	7	0,13	DTK
354	1	8	0,07	TG
354	1	9	0,13	TG
354	2	10	0,27	TG
354	2	2	0,26	DTK
354	2	5	0,04	DTK
354	2	9	0,19	TG
354	3	2	0,14	DTK
354	5	2	0,15	TG
354	5	4	0,18	TG
354	7	1	0,12	TG
354	7	16	0,25	DTR
354	7	2	0,24	TG
354	7	20	0,02	TG
354	7	24	0,09	TG
354	7	25	0,10	TG
354	7	26	0,18	TG
354	7	28	0,02	TG
354	7	3	0,25	TG
354	7	4	0,17	TG
354	7	5	0,20	TG
354	8	2	0,11	TXN
354	8	3	0,04	TG
354	8	4	0,04	DTK
355	1	1	0,26	TG
355	1	3	0,25	TG
355	1	5	0,19	TG
355	1	6	0,19	DTK
355	1	7	0,27	TG
355	2	1	0,18	DTK
355	2	2	0,23	TG
355	2	2	0,16	TG
355	5	7	0,17	DTK
355	5	9	0,28	TG
355	8	3	0,05	TG
359A	2	1	0,12	TG
359A	2	6	0,29	DTK
359A	3	1	0,16	DTR
359A	3	2	0,16	TG
359A	6	7	0,23	DTK
359B	2	13	0,30	DTK
359B	2	14	0,23	DTK
359B	2	6	0,19	TG
359B	3	1	0,10	DTK
359B	3	14	0,20	DTK
359B	3	6	0,11	TG
359B	3	7	0,13	DTK
359B	3	8	0,10	DTK
359B	3	9	0,22	TG
359B	4	11	0,14	DTK
359B	4	13	0,10	TG
359B	4	18	0,13	DTTS
359B	4	4	0,28	DTK
359B	4	9	0,10	DTK
359B	6	10	0,29	DTTS
359B	6	6	0,05	DTK
360	1	1	0,04	DTK
360	1	11	0,08	DTK
360	1	14	0,08	DTR
360	1	18	0,06	DTK
360	2	11	0,22	DTTS
360	2	3	0,15	DTR
360	2	5	0,22	DTR
360	4	2	0,07	TG
360	5	1	0,27	DTR
360	5	5	0,02	DTK
360	6	2	0,27	TG
361	1	1	0,10	DTR
361	1	18	0,12	DTK
361	1	2	0,04	DTK
361	1	23	0,10	DTK
361	1	26	0,18	DTTS
361	10	3	0,06	DTK
361	11	1	0,05	DTK
361	11	15	0,11	DTK
361	11	16	0,14	DTK
361	11	17	0,22	DTK
361	11	4	0,04	DTK
361	11	6	0,11	DTK
361	2	2	0,12	TG
361	2	3	0,20	DTK
361	3	11	0,24	DTK
361	3	14	0,04	TG
361	3	15	0,30	TG
361	3	16	0,07	TG
361	3	17	0,30	TG
361	3	6	0,06	TG
361	3	9	0,12	DTK
361	4	10	0,23	DTTS
361	4	16	0,04	TG
361	4	4	0,29	DTK
361	5	10	0,03	DTR
361	5	12	0,28	DTK
361	5	13	0,02	DTK
361	5	14	0,02	DTK
361	5	15	0,22	TG
361	5	17	0,08	DTTS
361	5	18	0,13	DTK
361	5	2	0,04	TXN
361	5	20	0,12	TG
361	5	21	0,21	DTK
361	5	26	0,02	TG
361	5	27	0,21	TG
361	5	28	0,02	DTK
361	5	29	0,12	TG
361	5	30	0,22	TG
361	5	32	0,26	TG
361	5	37	0,02	DTTS
361	5	6	0,17	DTK
361	5	8	0,01	DTK
361	5	9	0,10	DTK
361	6	11	0,01	TG
361	6	17	0,08	TG
361	6	21	0,10	TG
361	6	22	0,22	DTK
361	6	25	0,13	TG
361	6	4	0,09	TG
361	6	7	0,10	DTR
361	6	9	0,09	TG
361	9	2	0,13	DTK
363A	8a	4	0,14	DTK
366	1	1	0,21	DTK
368	2	2	0,21	DTK
368	2	4	0,28	DTK
368	2	7	0,28	DTK
368	4	3	0,18	DTK
368	7	4	0,02	TG
368	7	6	0,24	TG
368	7	7	0,09	TG
368	7	8	0,13	TG
371	3a	2	0,12	DTK
372	1	1	0,20	TG
372	1	4	0,11	DTK
372	4	11	0,28	DTR
372	5	16	0,21	DTK
372	5	17	0,24	DTTS
372	5	22	0,28	DTTS
372	5	23	0,13	DTK
372	5	8	0,22	DTK
372	7	17	0,10	DTK
372	7	18	0,20	DTTS
372	8	10	0,28	DTK
372	8	4	0,10	DTK
372	8	5	0,18	DTTS
372	8	7	0,03	DTK
373	1	10	0,11	DTK
373	1	14	0,02	DTK
373	1	18	0,12	TXB
373	1	3	0,01	DTTS
373	1	7	0,12	DTK
373	7a	1	0,15	DTK
373	7a	2	0,01	DTK
373	7a	23	0,11	DTK
373	7a	9	0,15	DTK
377A	2	12	0,02	TG
377A	2	7	0,20	DTTS
378	1	6	0,24	DTR
378	3	1	0,28	DTK
378	6	2	0,22	DTK
378	6	3	0,19	TG
379	2	7	0,21	DTTS

Nguồn tư liệu:

- Bản đồ nền địa hình VN-2000 tỷ lệ 1/10.000, kinh tuyến trục 108 độ 15';
- Bản đồ hiện trạng rừng huyện Vân Canh năm 2024;
- Bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp năm 2024 của Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hà Thanh;
- Bản đồ phương án BVPTR giai đoạn 2021-2025 của công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Kết quả khảo sát, điều tra ngoài thực địa.

TỶ LỆ 1:25000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

500m 250m 0 500m 1000m 1500m 2000m

Cơ quan xây dựng bản đồ

Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp và Môi trường